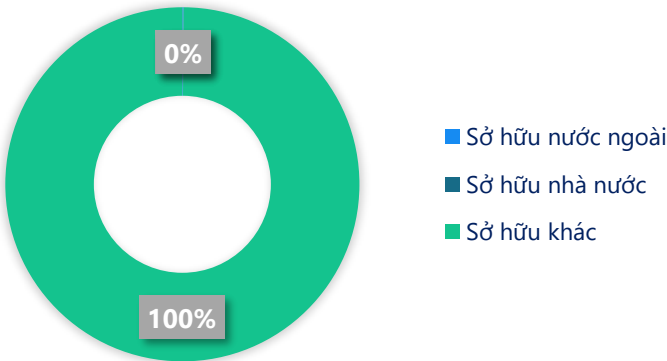


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		1,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,000
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		380
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		17
P/E		-13.5
EPS		-81

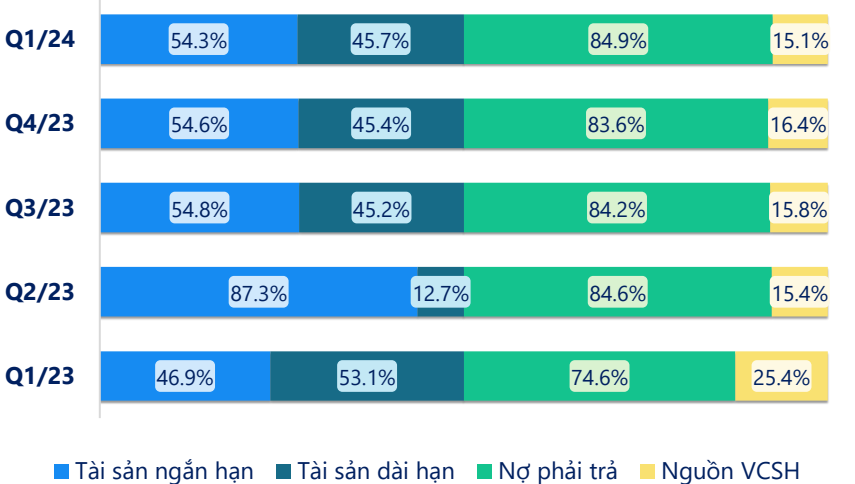
	YTD	1T	3T	6T
PXA	0.0%	10.0%	0.0%	-8.3%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%

Cơ cấu sở hữu



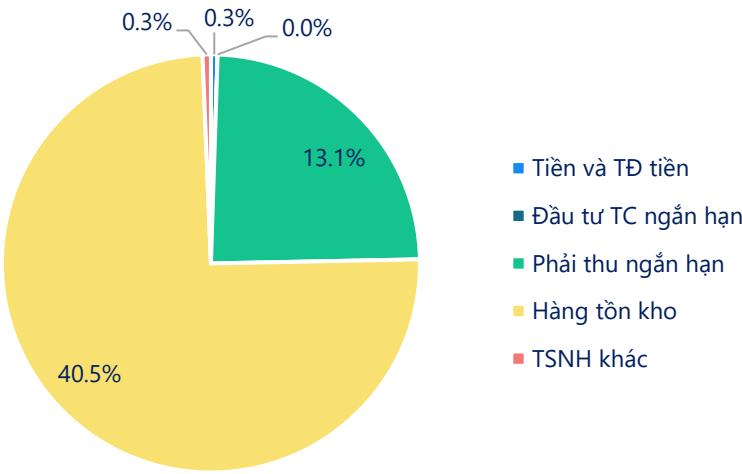
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

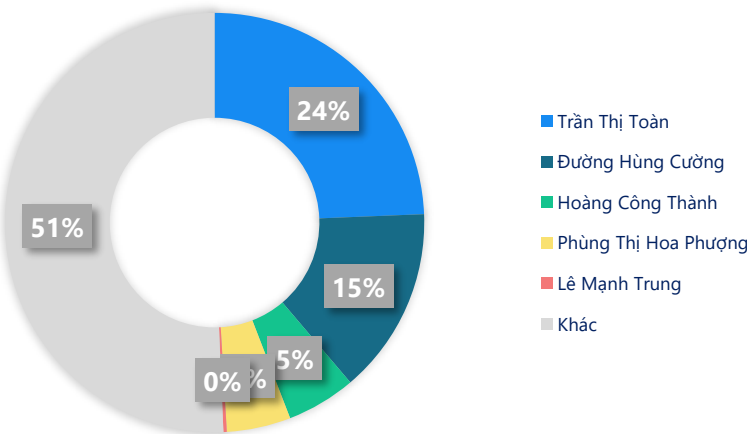
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q1/24

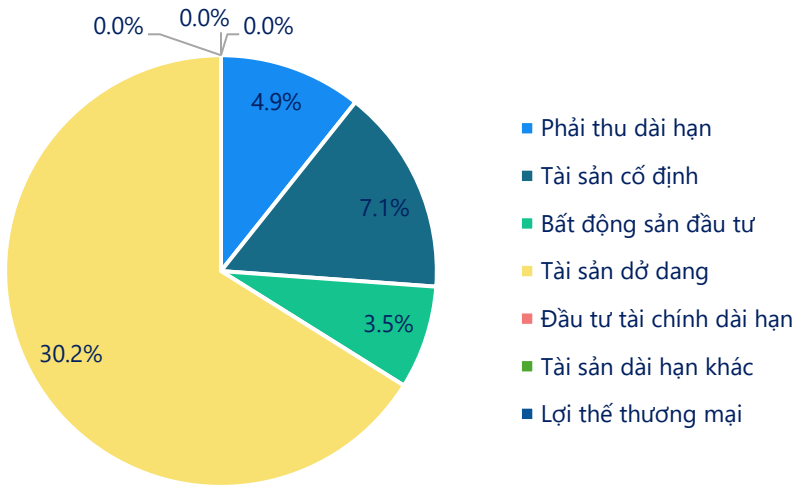
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



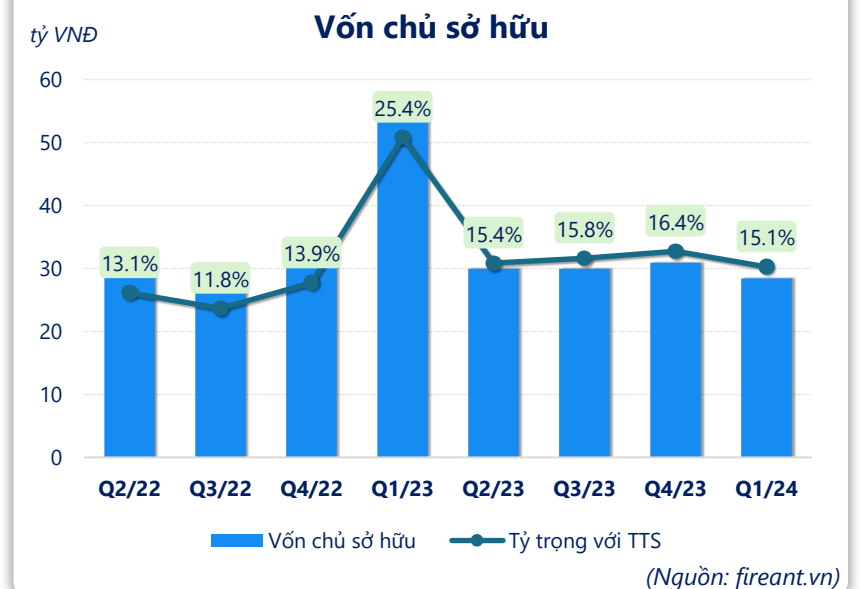
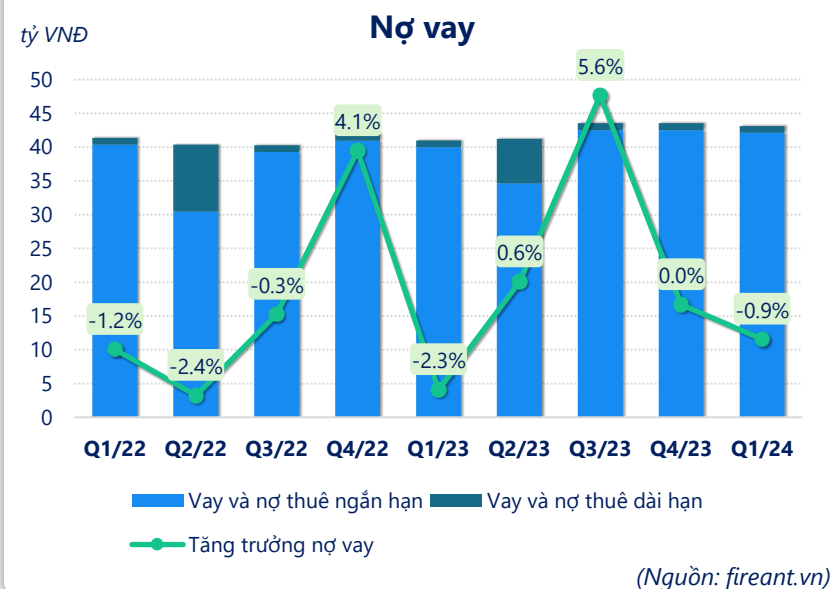
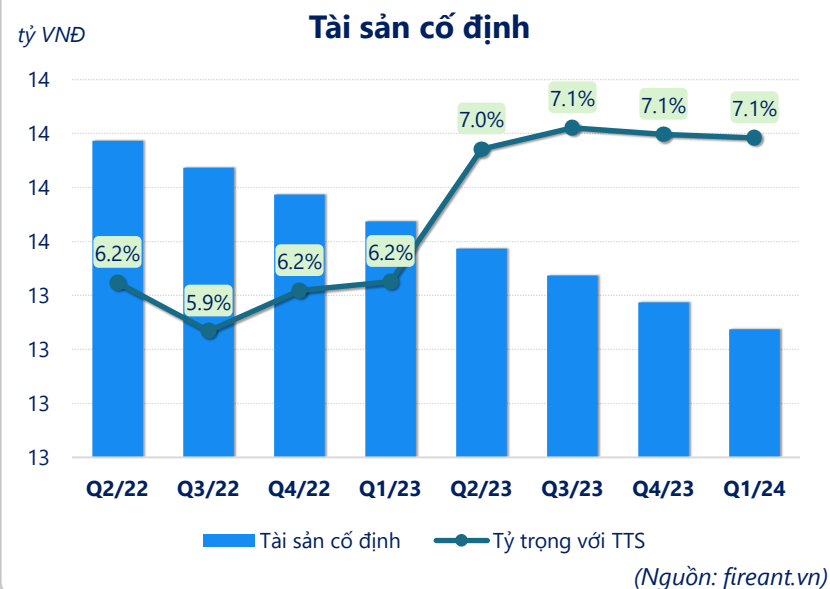
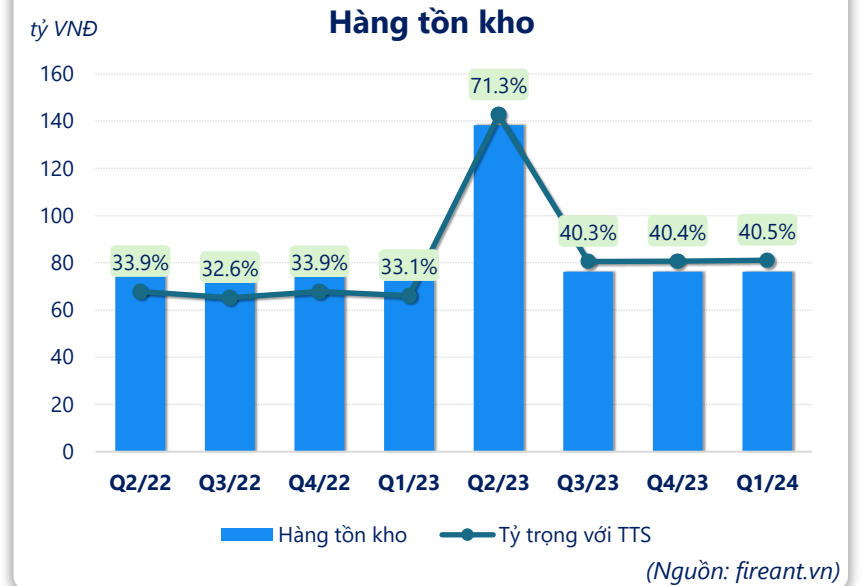
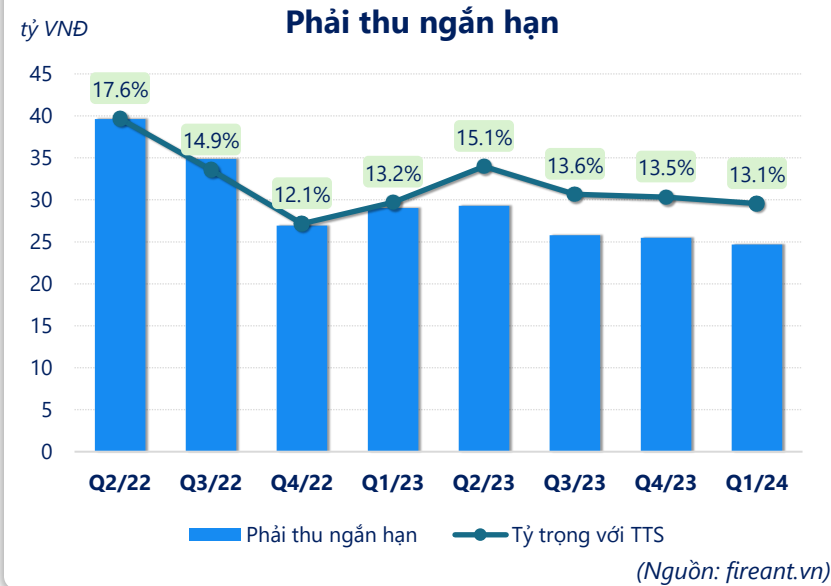
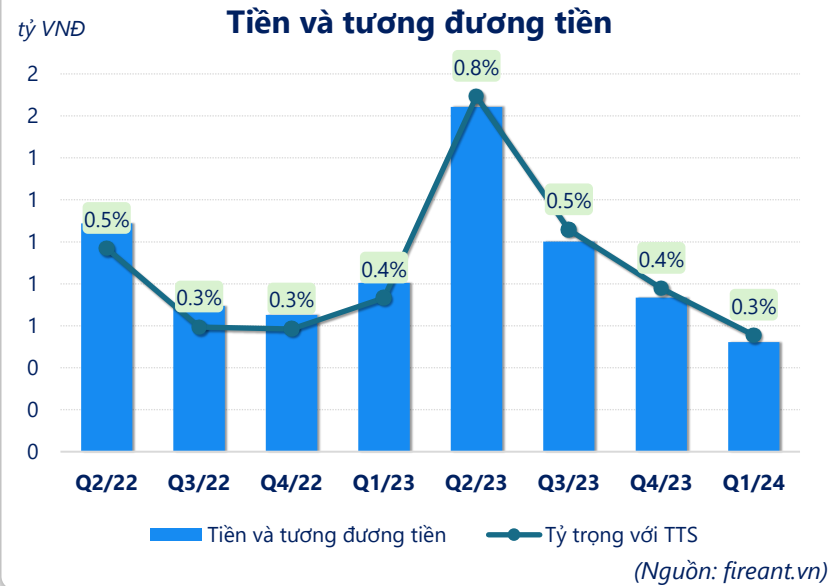
(Nguồn: fireant.vn)

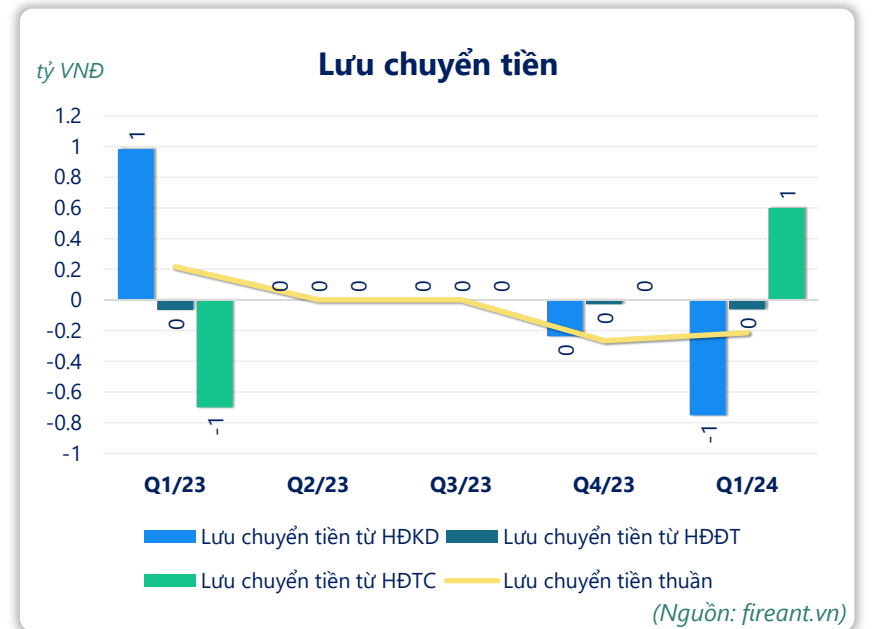
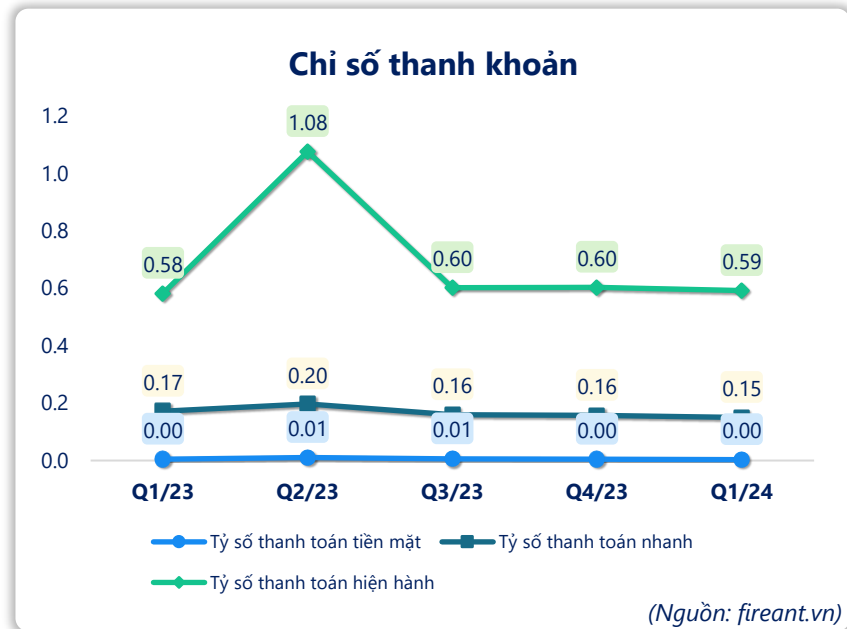
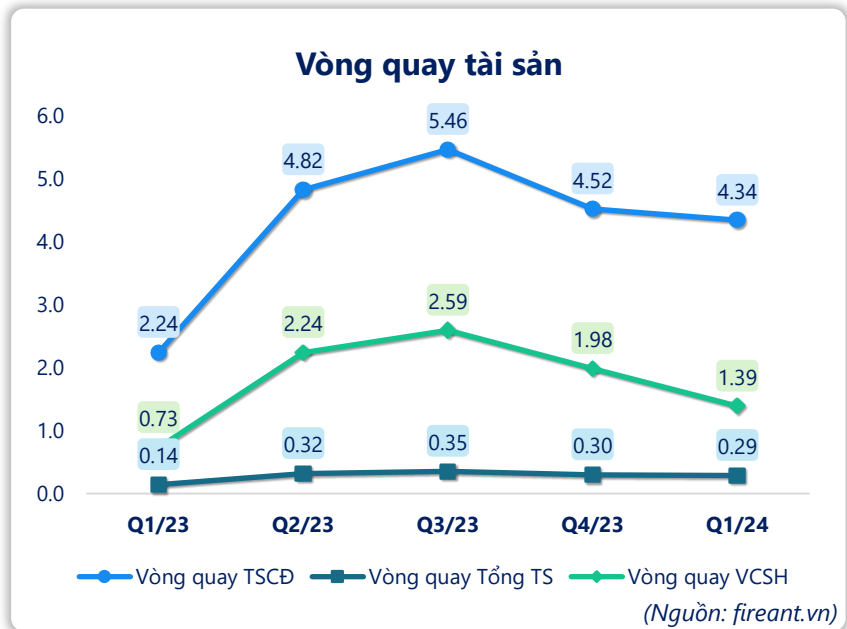
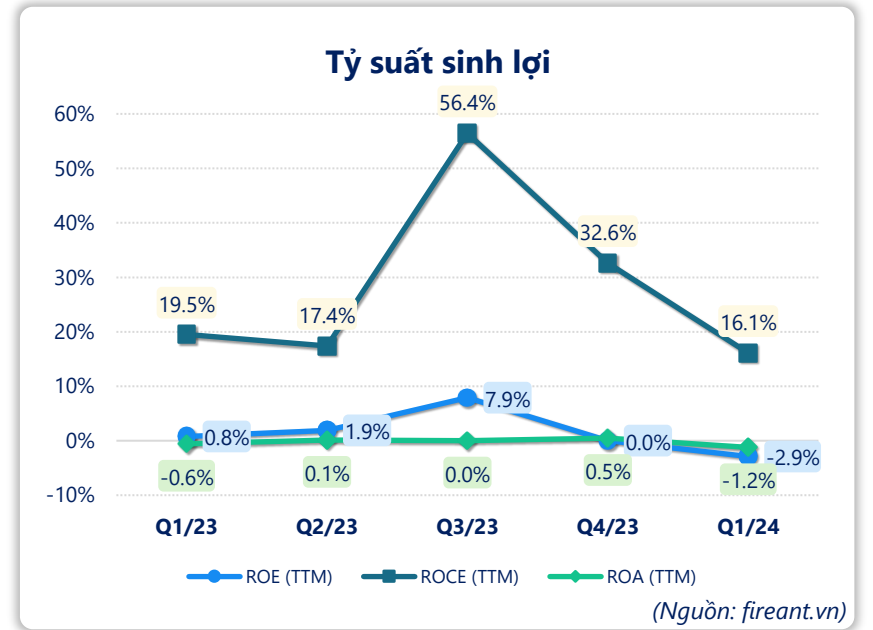
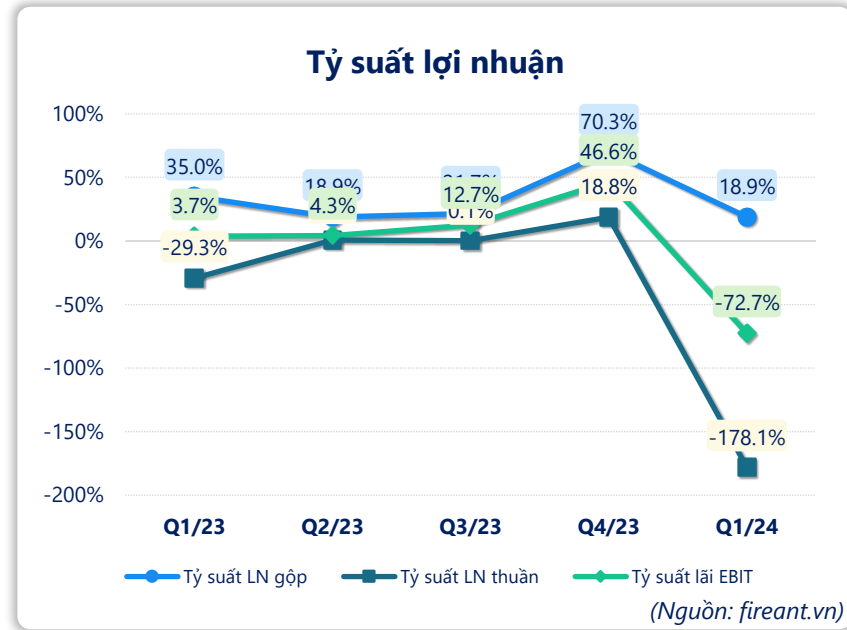
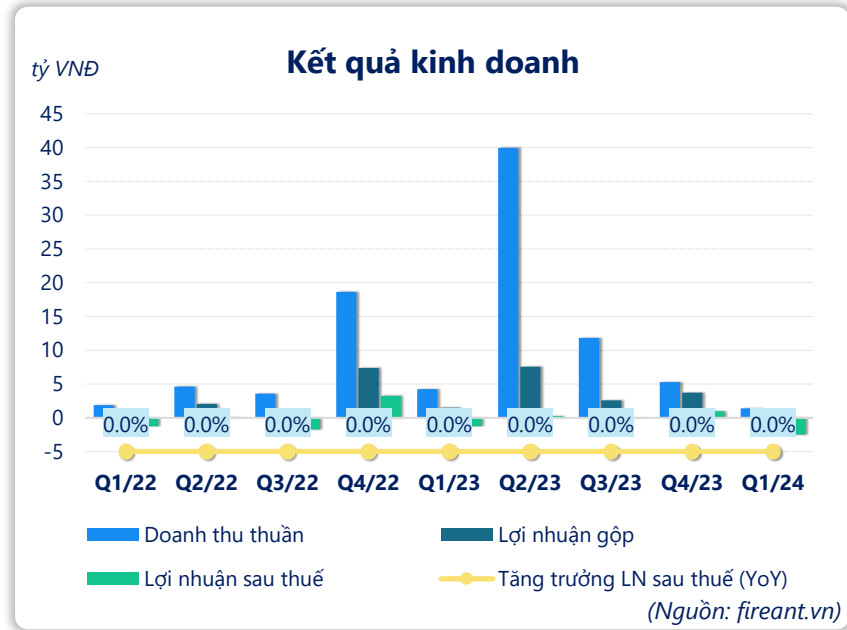
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q1/24

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	188	185	1.4%
Tài sản ngắn hạn	102	161	-36.6%
Tiền và tương đương tiền	0.52	0.73	-29.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	24.7	28.6	-13.6%
Hàng tồn kho	76.2	132	-42.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.65	0.03	2389%
Tài sản dài hạn	85.9	24.4	253%
Phải thu dài hạn	9.20	3.15	192%
Tài sản cố định	13.3	13.4	-0.7%
Bất động sản đầu tư	6.66	6.71	-0.7%
Tài sản dở dang	56.8	1.11	5019%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.03	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	160	154	3.3%
Nợ ngắn hạn	173	151	14.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.1	39.0	8.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.9	22.9	-0.1%
Nợ dài hạn	-13.1	3.52	-470%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.01	3.52	-71.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	28.4	30.9	-8.0%
Vốn chủ sở hữu	28.4	30.9	-8.0%
Vốn điều lệ	151	150	0.6%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	4.25	40.0	11.8	5.30	1.38
Giá vốn hàng bán	2.77	32.4	9.27	1.57	1.12
Lợi nhuận gộp	1.49	7.56	2.56	3.73	0.26
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	1.42	1.44	1.49	1.49	1.49
Chi phí lãi vay	1.42	1.44	1.49	1.49	1.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.69	5.06	0.57	0.59	0.63
Chi phí QLDN	0.62	0.78	0.49	0.65	0.60
LN thuần từ HĐKD	-1.25	0.29	0.02	1.00	-2.46
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.01	-0.01	-0.01	-0.03
LN trước thuế	-1.26	0.28	0.01	0.98	-2.49
Lợi nhuận sau thuế	-1.26	0.28	0.01	0.98	-2.49
LNST của CĐ cty mẹ	-1.26	0.28	0.01	0.98	-2.49

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.98	0	0	-0.24	-0.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.07	0	0	-0.03	-0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.70	0	0	0	0.60
Tiền đầu kỳ	0.59	0	0	1.00	0.73
Lưu chuyển tiền thuần	0.22	0	0	-0.27	-0.21
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.80	0	0	0.73	0.52

(Nguồn: fireant.vn)